

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HÒA THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ – ST  
Ngày: 29.7.2020  
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

*- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Kim Lành.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Đỗ Thị Mỹ Hạnh.

2. Ông Lê Huỳnh Hải Đăng.

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Lâm Thuý Vi** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **P.T.H**, sinh năm 1972. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 2/10, ấp LB, xã TN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh – Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **T.L.N**, sinh năm 1974. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 2/10, ấp LT, xã TN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh - Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2020, quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên tòa nguyên đơn - Bà **P.T.H** trình bày: Bà H và ông N sống chung với nhau từ năm 1997, đến năm 2003 đăng ký kết hôn tại UBND xã TN, huyện HT, tỉnh Tây Ninh, là hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ thời gian đầu, sau đó ông N thay đổi tính tình thường xuyên uống rượu, kiếm chuyện chửi mắng đánh đập không cần có lý do, bà H đã nhiều lần tạo cơ hội cho ông N sửa sai, nhưng đến nay ông N dẫn không thay đổi, ông N không còn niềm tin đối với bà H, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc đã nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn, nên bà vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 02 con chung tên T.N.Q, sinh năm: 1998; T.G.B, sinh ngày:

20.6.2009; hiện con chung tên N.Q đã thành niên, tự lao động tạo thu nhập ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng con chung tên T.G.B bà H yêu cầu trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, tính từ ngày 29.7.2020.

Về tài, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 23.6.2020, quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên tòa - bị đơn ông T.L.N trình bày: Ông N thống nhất với lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, xác nhận vợ chồng có đăng ký kết hôn. Xác nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên thời gian phát sinh mâu thuẫn mới mấy tháng nay, nguyên nhân do ông N bị thất nghiệp không có thu nhập, đồng thời ông có uống rượu, có đánh vợ nhưng không thường xuyên, ông N cam kết sẽ sửa sai bằng cách không chửi mắng, đánh đập vợ con nữa, ông chỉ uống rượu vào buổi chiều sau khi đi làm về nhà. Ông yêu cầu bà H cho ông sửa sai hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy ông N không đồng ý yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: xác nhận đúng theo lời trình bày bà H. Nếu trường hợp Tòa án cho ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng.

- Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.T.H, cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông N là phù hợp. Về con chung: giao con chung chưa thành niên tên T.G.B cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận ông N đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng, riêng con chung tên T.N.Q đã thành niên không đặt ra giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tính án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn ông T.L.N có nơi cư trú tại ấp LB, xã TN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà H và ông N chung sống vợ chồng đã được Ủy ban nhân dân xã TN, huyện HT tỉnh Tây Ninh cấp giấy Chứng nhận đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tuy nhiên bà H trình bày vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do ông N thường xuyên uống rượu, khi ông N say rượu thì lớn tiếng chửi mắng, gây gỗ, đánh đập bà H thậm tệ, không có trách nhiệm với vợ con. Riêng ông N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng có phát sinh, ông cũng có uống rượu, đánh vợ tuy nhiên chỉ thời gian gần đây và việc đánh vợ, say rượu cũng không thường xuyên, ông cam kết sửa sai không đánh vợ con nữa, nay ông không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã phát sinh nhiều năm, bà H cũng đã tạo cơ hội cho ông N sửa sai, nhưng ông N vẫn không khắc phục. Đến nay vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng không tự hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình thu thập chứng cứ bà H có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên T.G.B, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng, được thực hiện từ ngày 29.7.2020. Riêng con chung ông bà là cháu B có nguyện vọng tha thiết được sống chung với bà H. Hơn nữa, tại phiên toà ông T.L.N có ý kiến, trường hợp Tòa án cho vợ chồng ly hôn, thì ông N cũng đồng ý giao con chung chưa thành niên là cháu B cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng. Xét thấy nguyện vọng của bà H và cháu B, ý kiến ông N là phù hợp, nên cần giao con chung tên T.G.B cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ông N đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng, tính từ ngày 29.7.2020 là phù hợp cần được chấp nhận. Ông N được quyền thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản. Riêng đối với con chung tên Q đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Bà H, ông N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa

14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.T.H đối với ông T.L.N. Bà P.T.H được ly hôn với ông T.L.N.

2. Về con chung: Giao cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên: T.G.B, sinh ngày: 20.6.2009. Buộc ông T.L.N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng, được thực hiện từ ngày 29.7.2020 đến khi con chung thành niên, tự lao động sinh sống được.

Ông N được quyền thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

*Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N không chịu thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông N còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

Riêng con chung tên Q đã thành niên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà P.T.H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008744, ngày 19.5.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà H đã nộp xong án phí.

Ông T.L.N phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Tây Ninh
- VKSND tỉnh Tây Ninh
- VKSND TX Hoà Thành.
- THADS TX Hoà Thành.
- Các đương sự; Lưu
- UBND xã LTN TX HT

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Huỳnh Thị Kim Lành**